

Số: **16** /2017/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày **23** tháng **6** năm 2017

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số 55/2016/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước

Căn cứ Luật Bưu chính ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 55/2016/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 41/2011/QĐ-TTg ngày 03 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc chỉ định doanh nghiệp thực hiện duy trì, quản lý mạng bưu chính công cộng, cung ứng dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ bưu chính quốc tế;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Bưu chính,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định chi tiết một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số 55/2016/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số 55/2016/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước (sau đây được gọi tắt là Quyết định số 55/2016/QĐ-TTg) gồm: Dịch vụ và chất lượng dịch vụ; kết nối mạng; an ninh, an toàn trong cung cấp dịch vụ; lưu trữ tài liệu; kiểm tra; báo cáo, giao ban về việc cung cấp dịch vụ bưu chính KT1.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với Cục Bưu điện Trung ương, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước.

Chương II

DỊCH VỤ VÀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

Điều 3. Dịch vụ bưu chính KT1

1. Dịch vụ bưu chính KT1 là dịch vụ chấp nhận, vận chuyển và phát bưu gửi KT1 (gồm: Thư, gói, kiện tài liệu) trên Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước trong phạm vi nội tỉnh và liên tỉnh.

2. Dịch vụ bưu chính KT1, bao gồm:

a) Dịch vụ KT1 là dịch vụ chấp nhận, vận chuyển và phát bưu gửi KT1 không có yêu cầu về độ khẩn và độ mật.

b) Dịch vụ KT1 theo độ khẩn:

- Dịch vụ KT1 Hỏa tốc là dịch vụ KT1 có yêu cầu về tốc độ xử lý nhanh;

- Dịch vụ KT1 Hẹn giờ là dịch vụ KT1 có yêu cầu phát bưu gửi KT1 đến địa chỉ nhận theo thời gian người gửi chỉ định.

c) Dịch vụ KT1 theo độ mật (A, B, C) là dịch vụ chấp nhận, vận chuyển và phát bưu gửi KT1 mang bí mật nhà nước theo mức độ Tuyệt mật, Tối mật, Mật và có yêu cầu bảo đảm độ tin cậy cao khi vận chuyển và phát.

Điều 4. Chất lượng dịch vụ bưu chính KT1

1. An toàn bưu gửi: 100% bưu gửi KT1 được phát đến địa chỉ nhận trong tình trạng không bị suy giảm, hư hỏng làm ảnh hưởng đến nội dung bưu gửi, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian phục vụ: Dịch vụ bưu chính KT1 được cung cấp liên tục 24 giờ trong một ngày và 07 ngày trong một tuần, kể cả ngày nghỉ lễ, Tết.

3. Tần suất phát: Bưu gửi KT1 được phát tới cấp huyện tối thiểu 02 lần/ngày. Tần suất phát tới cấp xã được thực hiện theo quy định của Cục Bưu điện Trung ương sau khi thống nhất với Tổng công ty Bưu điện Việt Nam.

4. Thời gian toàn trình:

a) Thời gian toàn trình dịch vụ bưu chính KT1 là khoảng thời gian tính từ khi bưu gửi KT1 được nhận gửi cho tới khi được phát lần thứ nhất đến địa chỉ nhận ghi trên bưu gửi, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

b) Thời gian toàn trình dịch vụ bưu chính KT1 được xác định theo công thức $J + n$ (trong đó, J là ngày nhận gửi, được thể hiện bằng dấu ngày trên bưu gửi và n là số ngày làm việc).

c) Trong phạm vi nội tỉnh, thời gian toàn trình tối đa là:

- Dịch vụ KT1 và dịch vụ KT1 theo độ mật: $J + 1,5$;

- Dịch vụ KT1 Hỏa tốc: $J + 1$.

d) Trong phạm vi liên tỉnh, thời gian toàn trình tối đa là:

- Dịch vụ KT1 và dịch vụ KT1 theo độ mật: $J + 3,5$;

- Dịch vụ KT1 Hỏa tốc: $J + 2,5$.

đ) Bưu gửi KT1 Hẹn giờ được phát theo yêu cầu của người gửi.

Điều kiện thực hiện dịch vụ: Bưu gửi KT1 Hẹn giờ phải được chấp nhận trước thời gian phát tối thiểu 04 giờ đối với địa chỉ nhận ở khu vực nội thành; 12 giờ đối với địa chỉ nhận ở khu vực ngoại thành và 24 giờ đối với địa chỉ nhận trong phạm vi liên tỉnh.

e) Đối với địa bàn thuộc danh mục vùng có điều kiện địa lý đặc biệt: Thời gian toàn trình của các dịch vụ KT1 thực hiện theo thực tế.

g) Cục Bưu điện Trung ương có trách nhiệm quy định chi tiết thời gian toàn trình các dịch vụ KT1 trên toàn Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước (đến trung tâm xã) sau khi thống nhất với Tổng công ty Bưu điện Việt Nam.

h) Quy định về việc phát bưu gửi KT1:

- Trong giờ làm việc: Bưu gửi KT1 được phát đến địa chỉ nhận ghi trên bưu gửi;

- Ngoài giờ làm việc, thứ Bảy, Chủ nhật và ngày nghỉ lễ, Tết: Bưu gửi KT1 được phát đến đầu mối do đối tượng sử dụng dịch vụ chỉ định theo quy định tại khoản 5 Điều 18 Thông tư này.

5. Thời hiệu khiếu nại: 06 tháng, kể từ ngày kết thúc thời gian toàn trình của bưu gửi KT1.

6. Thời hạn giải quyết khiếu nại: Không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại.

7. Xử lý vi phạm và bồi thường thiệt hại:

a) Mọi vi phạm về chế độ bảo vệ bí mật nhà nước đối với bưu gửi KT1 mang bí mật nhà nước phải được điều tra làm rõ. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, tùy theo tính chất, hậu quả tác hại gây ra sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Việc bồi thường thiệt hại đối với bưu gửi KT1 được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương III

KẾT NỐI MẠNG

Điều 5. Quy định chung về kết nối mạng

1. Cục Bưu điện Trung ương và Tổng công ty Bưu điện Việt Nam phải thực hiện việc kết nối mạng và cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 đáp ứng các yêu cầu bảo đảm bí mật nhà nước; an ninh và an toàn; thống nhất trong tổ chức quản lý, vận hành và khai thác; bảo đảm tuân thủ quy định về trang thiết bị chuyên dùng và quy định nghiệp vụ; tuyển chọn người lao động đủ tiêu chuẩn theo quy định.

2. Việc kết nối được thực hiện theo Hợp đồng kết nối giữa hai bên, theo quy định tại Thông tư này và pháp luật liên quan.

Điều 6. Hợp đồng kết nối

Hợp đồng kết nối phải có những nội dung chính sau:

1. Thông tin chung về đơn vị (tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại) và người đại diện theo pháp luật của đơn vị (họ và tên, chức vụ, số điện thoại liên hệ, địa chỉ thư điện tử).

2. Thông tin liên quan đến việc thực hiện kết nối:

a) Địa điểm kết nối; thông tin về đầu mối liên hệ của các bên (họ và tên, chức vụ, số điện thoại liên hệ, địa chỉ thư điện tử); điều kiện của người lao động tham gia trực tiếp vào quá trình cung cấp dịch vụ bưu chính KT1;

b) Chất lượng dịch vụ; chi phí kết nối; đối soát sản lượng bưu gửi và xác nhận chất lượng dịch vụ; giảm trừ giá trị thanh toán khi có vi phạm nghĩa vụ; phối hợp xử lý khi có khiếu nại về chất lượng cung cấp dịch vụ hoặc có sự cố về an ninh, an toàn trong cung cấp dịch vụ; cơ sở dữ liệu và chia sẻ dữ liệu trong cung cấp dịch vụ;

c) Quyền và nghĩa vụ khác của các bên.

Điều 7. Ký kết Hợp đồng kết nối

1. Cục Bưu điện Trung ương và Tổng công ty Bưu điện Việt Nam đàm phán các nội dung của Hợp đồng kết nối. Sau khi hai bên thống nhất, Cục Bưu điện Trung ương có trách nhiệm trình Bộ Thông tin và Truyền thông dự thảo Hợp đồng kết nối trước khi ký kết.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được dự thảo Hợp đồng kết nối, Bộ Thông tin và Truyền thông có ý kiến bằng văn bản gửi Cục Bưu điện Trung ương về nội dung dự thảo Hợp đồng kết nối.

Trường hợp nội dung dự thảo Hợp đồng kết nối chưa rõ, chưa phù hợp với các quy định của pháp luật, Bộ Thông tin và Truyền thông yêu cầu Cục Bưu điện Trung ương thuyết minh, giải trình.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng kết nối

1. Cục Bưu điện Trung ương có trách nhiệm trình đề Bộ Thông tin và Truyền thông có ý kiến bằng văn bản trước khi thay đổi các nội dung sau:

a) Chỉ tiêu chất lượng dịch vụ;

b) Chi phí kết nối;

c) Điều kiện giảm trừ giá trị thanh toán khi có vi phạm nghĩa vụ;

d) Phối hợp xử lý khi có khiếu nại về chất lượng cung cấp dịch vụ hoặc có sự cố về an ninh, an toàn trong cung cấp dịch vụ.

2. Cục Bưu điện Trung ương có trách nhiệm thông báo với Bộ Thông tin và Truyền thông khi thay đổi các nội dung sau:

- a) Thông tin chung về đơn vị và người đại diện theo pháp luật của đơn vị;
- b) Địa điểm kết nối; thông tin về đầu mối liên hệ của các bên (họ và tên, chức vụ, số điện thoại liên hệ, địa chỉ thư điện tử); điều kiện của người lao động tham gia trực tiếp vào quá trình cung cấp dịch vụ bưu chính KT1; cơ sở dữ liệu và chia sẻ dữ liệu trong cung cấp dịch vụ.

Chương IV

AN NINH, AN TOÀN TRONG CUNG CẤP DỊCH VỤ

Điều 9. Bảo đảm an ninh, an toàn

Việc bảo đảm an ninh, an toàn trong cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 55/2016/QĐ-TTg và các yêu cầu sau:

1. Mạng bưu chính do Cục Bưu điện Trung ương trực tiếp quản lý và khai thác được đầu tư trang thiết bị chuyên dùng để kiểm tra, bảo đảm an ninh, an toàn và được bố trí lực lượng bảo vệ chuyên trách.

2. Mạng bưu chính công cộng khi cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Tại Bưu điện trung tâm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải thành lập bưu cục khai thác dịch vụ bưu chính KT1;

b) Tại Bưu điện trung tâm huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương phải bố trí riêng khu vực khai thác dịch vụ bưu chính KT1;

c) Chỉ định người lao động chịu trách nhiệm về hoạt động cung cấp dịch vụ bưu chính KT1.

3. Cơ sở khai thác dịch vụ bưu chính KT1 phải có nội quy và kiểm soát chặt chẽ người ra vào khu vực này.

4. Bưu gửi KT1 được vận chuyển và phát bằng xe bưu chính chuyên dùng. Trong trường hợp cần thiết phải sử dụng các phương tiện khác thì đơn vị cung cấp dịch vụ phải bố trí nhân viên khai thác dịch vụ bưu chính KT1 áp tải túi, hộp chứa bưu gửi KT1 trong suốt quá trình vận chuyển.

5. Túi chứa bưu gửi KT1 phải được làm bằng chất liệu dai bền, chống cháy, chống thấm nước. Hộp chứa bưu gửi KT1 phải được làm bằng chất liệu chống cháy, chống vỡ. Túi, hộp chứa bưu gửi KT1 phải được niêm phong hoặc có khóa bảo vệ trong suốt quá trình vận chuyển; được gắn định vị khi dùng để vận chuyển bưu gửi KT1 Tuyệt mật và các bưu gửi KT1 khác theo yêu cầu của Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội và Văn phòng Chính phủ.

6. Xe bưu chính chuyên dùng để đi phát bưu gửi KT1 phải có thùng bằng chất liệu chống cháy, chống thấm nước, chống vỡ và có khóa bảo vệ.